



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-260 (26.136)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - TT.Hữu Lũng DN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Hữu Lũng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 126 đường Bắc Sơn, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-260	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,682	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,7	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,5	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-261 (26.136)

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - TT.Hữu Lũng CN
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Hữu Lũng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: 126 đường Bắc Sơn, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-261	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,606	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,7	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,4	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-262 (26.136)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Vân Nham-Hữu Lũng DN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Hữu Lũng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 126 đường Bắc Sơn, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-262	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,704	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,2	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,6	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-263 (26.136)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Vân Nham-Hữu Lũng CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Hữu Lũng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 126 đường Bắc Sơn, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-263	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
4	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,574	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,2	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,8	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-264 (26.137)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Trung tâm-Lộc Bình ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu nhà thờ, xã Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-264	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
4	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl- G:2023	mg/L	0,665	0,2 ÷ 1
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,6	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,9	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-265 (26.137)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Trung tâm-Lộc Bình CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu nhà thờ, xã Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-265	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,548	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,8	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,6	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTPLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-266 (26.137)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Na Dương-Lộc Bình ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu nhà thờ, xã Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-266	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,454	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,8	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,7	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-267 (26.137)

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước hồ chứa - Na Dương-Lộc Bình CN
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Khu nhà thờ, xã Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-267	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,447	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,8	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,6	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-268 (26.137)

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Chi Ma-Lộc Bình ĐN
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Khu nhà thờ, xã Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-268	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,532	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,8	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,5	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-269 (26.137)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Chi Ma-Lộc Bình CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu nhà thờ, xã Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-269	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,447	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,7	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,5	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-270 (26.138)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - LK2-LK5 -Thân Muội ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Chi Lăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : số 7, đường Lê Lợi, khu Trung Tâm, xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-270	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,324	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,3	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,5	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-271 (26.138)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - LK2-LK5 -Thân Muội CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Chi Lăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : số 7, đường Lê Lợi, khu Trung Tâm, xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-271	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,277	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,3	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,6	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-272 (26.138)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Mỏ Sục-Chi Lăng ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Chi Lăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : số 7, đường Lê Lợi, khu Trung Tâm, xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-272	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,618	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,35	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,5	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-273 (26.138)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Mỏ Sục-Chi Lăng CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Chi Lăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : số 7, đường Lê Lợi, khu Trung Tâm, xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-273	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,439	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,4	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,6	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-274 (26.139)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Trảng Định ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Trảng Định - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 34 đường Nhà Nghêu, xã Thất Khê, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-274	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	6,9	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,553	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,6	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	2,2	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-275 (26.139)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Trảng Định CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Trảng Định - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 34 đường Nà Nghều, xã Thắt Khê, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-275	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	6,05	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,49	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,6	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	2,4	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần hoặc toàn bộ kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-276 (26.140)

- | | |
|--|---|
| 1. Tên mẫu/ Name of sample | : Mẫu nước sinh hoạt - TT. Đình Lập ĐN |
| 2. Loại mẫu/ Sample type | : Nước sạch |
| 3. Tên khách hàng/ Name of customer | : Chi nhánh Cấp nước huyện Đình Lập - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn |
| 4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer | : Khu 3, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn |
| 5. Mô tả mẫu/ Description | : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường |
| 6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving | : 15/01/2026 |
| 7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking | : Cao Trung Dũng |
| 8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time | : 15/01/2026 – 22/01/2026 |
| 9. Kết quả thử nghiệm/ Test results | : |

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-276	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl- G:2023	mg/L	0,631	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,6	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,18	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-277 (26.140)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - TT. Đình Lập CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước huyện Đình Lập - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu 3, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-277	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,539	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,5	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,2	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-278 (26.140)

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Nông Trường-Đình Lập ĐN
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước huyện Đình Lập - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Khu 3, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-278	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,403	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,8	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,2	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-279 (26.140)

- | | |
|--|---|
| 1. Tên mẫu/ Name of sample | : Mẫu nước sinh hoạt - Nông Trường-Đình Lập CN |
| 2. Loại mẫu/ Sample type | : Nước sạch |
| 3. Tên khách hàng/ Name of customer | : Chi nhánh Cấp nước huyện Đình Lập - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn |
| 4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer | : Khu 3, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn |
| 5. Mô tả mẫu/ Description | : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường |
| 6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving | : 15/01/2026 |
| 7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking | : Cao Trung Dũng |
| 8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time | : 15/01/2026 – 22/01/2026 |
| 9. Kết quả thử nghiệm/ Test results | : |

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-279	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,319	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,6	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,4	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-280 (26.141)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt trạm cấp nước Tân Thanh DN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh cấp nước Đồng Đăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 25 ngõ 4 đường Hoàng Văn Thụ, xã Đồng Đăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-280	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,597	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,3	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,3	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-281 (26.141)

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt trạm cấp nước Tân Thanh CN
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh cấp nước Đồng Đăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 25 ngõ 4 đường Hoàng Văn Thụ, xã Đồng Đăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-281	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,334	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,4	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,5	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-282 (26.141)

- Tên mẫu/ Name of sample : Đầu nguồn trạm bơm LK1+ LK2
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh cấp nước Đồng Đăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 25 ngõ 4 đường Hoàng Văn Thụ, xã Đồng Đăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-282	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,917	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,4	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,1	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTL

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-283 (26.141)

- Tên mẫu/ Name of sample : Cuối nguồn trạm bơm LK1+ LK2
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh cấp nước Đồng Đăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 25 ngõ 4 đường Hoàng Văn Thụ, xã Đồng Đăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-283	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,772	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,4	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,1	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



Ts. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đồng Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-284 (26.141)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Tân Mỹ-Đồng Đăng ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh cấp nước Đồng Đăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 25 ngõ 4 đường Hoàng Văn Thụ, xã Đồng Đăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-284	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,452	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,6	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,4	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-285 (26.141)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Tân Mỹ-Đồng Đăng CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh cấp nước Đồng Đăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 25 ngõ 4 đường Hoàng Văn Thụ, xã Đồng Đăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-285	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,362	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,7	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,5	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-286 (26.142)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Bình Gia ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Bình Gia - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 63, phố 6A, xã Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-286	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	5,63	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,561	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,8	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,9	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần hoặc toàn bộ kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-287 (26.142)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Bình Gia CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Bình Gia - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 63, phố 6A, xã Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-287	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,457	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,8	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,9	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-288 (26.143)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - SVĐ-Bắc Sơn ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Bắc Sơn - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Thôn Tiên Đào, xã Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-288	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,57	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,6	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,8	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-289 (26.143)

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - SVĐ-Bắc Sơn CN
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Bắc Sơn - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Thôn Tiên Đào, xã Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-289	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc ^(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,471	0,2 ÷ 1
6	Mùi ^(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	7,5	6 ÷ 8,5
8	Độ đục ^(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,6	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-290 (26.143)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Pó Sảng-Bắc Sơn ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Bắc Sơn - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Thôn Tiên Đào, xã Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-290	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,752	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,6	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,4	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-291 (26.143)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Pó Sảng-Bắc Sơn CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Bắc Sơn - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Thôn Tiên Đào, xã Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-291	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,567	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,6	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,5	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-292 (26.144)

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Na Sầm-Văn Lăng ĐN
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Văn Lăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Khu 1, xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-292	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,394	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,8	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,5	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đồng Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-293 (26.144)

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Na Sầm-Văn Lăng CN
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Văn Lăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Khu 1, xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-293	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,36	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,8	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,5	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-294 (26.145)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm H1
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-294	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc ^(*)	TCVN 6185:2015	TCU	7,26	15
5	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,571	0,2 ÷ 1
6	Mùi	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	7,5	6 ÷ 8,5
8	Độ đục ^(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,5	2
9	Amoni	TCVN 6179-1:1996	mg/L	23,5	1
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	TCVN 6180:1996	mg/L	9,17	11

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026
GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-295 (26.145)

- | | |
|--|--|
| 1. Tên mẫu/ Name of sample | : Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn trạm bơm H1 |
| 2. Loại mẫu/ Sample type | : Nước sạch |
| 3. Tên khách hàng/ Name of customer | : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn |
| 4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer | : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn |
| 5. Mô tả mẫu/ Description | : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường |
| 6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving | : 15/01/2026 |
| 7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking | : Cao Trung Dũng |
| 8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time | : 15/01/2026 – 22/01/2026 |
| 9. Kết quả thử nghiệm/ Test results | : |

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-295	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	6,24	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,469	0,2 ÷ 1
6	Mùi	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,3	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,6	2
9	Amoni	TCVN 6179-1:1996	mg/L	16,7	1
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	TCVN 6180:1996	mg/L	11,4	11

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026
GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-296 (26.145)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm D3+ Nà Tâm
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-296	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	8,96	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,639	0,2 ÷ 1
5	Mùi	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,9	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	2,6	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-297 (26.145)

- | | |
|--|--|
| 1. Tên mẫu/ Name of sample | : Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn trạm bơm D3+ Nà Tâm |
| 2. Loại mẫu/ Sample type | : Nước sạch |
| 3. Tên khách hàng/ Name of customer | : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn |
| 4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer | : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn |
| 5. Mô tả mẫu/ Description | : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường |
| 6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving | : 15/01/2026 |
| 7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking | : Cao Trung Dũng |
| 8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time | : 15/01/2026 – 22/01/2026 |
| 9. Kết quả thử nghiệm/ Test results | : |

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-297	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	8,03	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,579	0,2 ÷ 1
6	Mùi	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,9	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	3,2	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-298 (26.145)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm H9
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-298	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	12,26	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,66	0,2 ÷ 1
5	Mùi	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,8	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	4,5	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-299 (26.145)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn H9
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-299	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,542	0,2 ÷ 1
6	Mùi	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,7	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,7	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-300 (26.145)

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm T1+CL
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-300	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,622	0,2 ÷ 1
6	Mùi	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,4	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,3	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-301 (26.145)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn trạm bơm T1+CL
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-301	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,581	0,2 ÷ 1
6	Mùi	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,4	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,5	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-302 (26.145)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm H10
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-302	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,764	0,2 ÷ 1
6	Mùi	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,2	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,4	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-303 (26.145)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn trạm bơm H10 + H12
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-303	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,732	0,2 ÷ 1
6	Mùi	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,2	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,3	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần hoặc toàn bộ kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-304 (26.145)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm Nước mặt Cty
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-304	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,813	0,2 ÷ 1
5	Mùi	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,6	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,6	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-305 (26.145)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm D2
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-305	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,929	0,2 ÷ 1
6	Mùi	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,4	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,5	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-306 (26.145)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn trạm bơm D2
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-306	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,766	0,2 ÷ 1
6	Mùi	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,3	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,6	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-307 (26.145)

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm H3
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: 14/10 Lê Đại Hành, phường Đồng Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-307	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,623	0,2 ÷ 1
6	Mùi	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,3	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,6	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-308 (26.145)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm T4+H8
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-308	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,678	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,3	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,5	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026
GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2601-309 (26.145)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn trạm bơm T4+H8+ NM Cty
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/01/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/01/2026 – 22/01/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2601-309	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,505	0,2 ÷ 1
6	Mùi	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,7	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,6	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.